

Bản án số: 25/2024/DS -ST

Ngày: 31/7/2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Nghi

2. Ông Lê Bá Tự

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Thoang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Bùi Xuân Tùng.- Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-DS ngày 26/6/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B

Địa chỉ: Số B T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Người được ủy quyền: Ông Trần Tấn V- Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Thương mại cổ phần B- Chi nhánh P (Theo quyết định số 4076A/2023/ GD-LienVietpostbank ngày 17/3/2023); Người được ủy quyền lại: Bà Phan Thị Thu T- Chuyên viên xử lý nợ, theo giấy ủy quyền số 42/2024/GUQ-LPB.PY ngày 11/6/2024; Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Chị Lê Thị C, sinh năm 1993 và anh Phạm Văn H, sinh năm 1992; Đồng trú: Thôn V, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Điều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/4/2024 của Ngân hàng Thương mại cổ phần B- Chi nhánh P (viết tắt Ngân hàng), trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền lại bà Phan Thị Thu T trình bày: Vào ngày 26/6/2020 Ngân hàng có cho chị Lê Thị C và anh Phạm Văn H vay số tiền 100.000.000đ, theo hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số HDTD60020200884, mục đích vay là để tiêu dùng, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 8,5%/năm, phương thức trả nợ gốc hàng tháng và số tiền lãi được tính trên dư nợ gốc ban đầu, ngày trả nợ gốc đầu tiên là ngày 15/7/2020, vay dưới hình thức tín chấp. Tuy nhiên, theo hợp đồng tín dụng trên thì chị C và anh H trả được 03 năm thì ngưng trả cho đến nay và nhiều lần Ngân hàng yêu cầu chị C và anh H trả nợ theo như nội dung đã ký kết trong Hợp đồng tín dụng nhưng vẫn không thực hiện nên Ngân hàng khởi kiện, trong quá trình Tòa giải quyết vụ án thì chị C, anh H đã trả cho Ngân hàng 10.790.968đ nên tính đến ngày xét xử sơ thẩm (31/7/2024) còn nợ tiền gốc 16.988.945đ, lãi trong hạn:

11.870.776đ; lãi quá hạn 968.228đ. Tổng cộng: 29.827.949đ, vì vậy Ngân hàng yêu cầu chị **C** và anh **H** phải trả ngay số nợ nêu trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị **Lê Thị C** trình bày: Vào ngày 26/6/2020 chị **C** và anh **Phạm Văn H** có vay **Ngân hàng Thương mại cổ phần B, chi nhánh tỉnh P** với số tiền 100.000.000đ, theo hợp đồng tín dụng kiêm kế ước nhận nợ số HDTD60020200884 đã ký kết, mục đích vay là tiêu dùng, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 8,5%/năm, phương thức trả nợ gốc hàng tháng và số tiền lãi được tính trên dư nợ gốc ban đầu, ngày trả nợ gốc đầu tiên là ngày 15/7/2020, vay dưới hình thức tín chấp. Tuy nhiên, theo hợp đồng tín dụng trên thì chị **C** và anh **H** trả được ba năm thì ngưng trả cho đến nay vì lý do công việc làm không ổn định, kinh tế gia đình gặp khó khăn. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị **C** và anh **H** phải trả nợ, tính đến ngày 11/6/2024 còn nợ tiền gốc 23.480.000đ, lãi quá hạn: 10.892.694đ; lãi chậm trả (phạt gốc: 396.365đ); lãi phạt lãi: 110.650đ. Tổng cộng: 35.385.777đ thì chị **C** và anh **H** đồng ý trả nhưng xin trả nợ dần mỗi tháng trả 2.000.000đ cho đến khi hết nợ.

Đối với anh **Phạm Văn H** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh **H** không đến Tòa làm việc; không có văn bản trình bày ý kiến về việc Ngân hàng khởi kiện; không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; không tham gia phiên tòa nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh **H**.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị **Lê Thị C** và anh **Phạm Văn H** phải trả cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần B- chi nhánh P** số tiền 29.827.949đ (trong đó tiền gốc 16.988.945đ, lãi trong hạn: 11.870.776đ; lãi quá hạn 968.228đ). Về án phí bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ về khoản hợp đồng tín dụng, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Căn cứ theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đối với bị đơn bà **Lê Thị C** và anh **Phạm Văn H** đã được Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Trong quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải và tranh luận tại phiên tòa bên nguyên đơn đại diện **Ngân hàng Thương mại cổ phần B- Chi nhánh P** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện chị **Lê Thị C** và anh **Phạm Văn H** phải trả nợ theo hợp đồng tín dụng kiêm kế ước nhận nợ số HDTD60020200884 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (31/7/2024) số tiền nợ gốc 16.988.945đ, lãi trong hạn: 11.870.776đ; lãi quá hạn 968.228đ, tổng cộng 29.827.949. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa Ngân hàng với chị **C** và anh **H** có

diễn ra giao dịch vay tiền là có thật và hiện nay còn nợ tiền Ngân hàng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã cung cấp hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD60020200884 ký ngày 26/6/2020 đều có chữ ký của chị **C** và anh **H**, theo đó Ngân hàng đã phê duyệt với số tiền 100.000.000đ sau đó chị **C** và anh **H** trả được 03 năm tiền gốc và lãi phát sinh thì ngưng trả nên Ngân hàng khởi kiện. Sau khi Tòa án thụ lý đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản khác cho bị đơn, chị **C** thừa nhận còn nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, còn anh **H** không đến Tòa giải quyết, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và cũng không có văn bản trình bày ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ nên theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp thuận, cần buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc còn nợ nêu trên.

[3] Về yêu cầu tính lãi: Chị **C** và anh **H** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn lại sang nợ quá hạn. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (31/7/2024) chị **C** và anh **H** còn nợ tiền gốc 16.988.945đ, lãi trong hạn: 11.870.776đ; lãi quá hạn 968.228đ, tổng cộng 29.827.949đ. Xét thấy yêu cầu tính lãi trên của Ngân hàng là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu chị **C** và anh **H** phải trả ngay số nợ nêu trên, với lý do đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Bị đơn chị **C** xin trả nợ dần mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi hết nợ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”, do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ để thỏa mãn yêu cầu trả nợ dần của bên bị đơn.

[4] Về án phí: Bị đơn chị **Lê Thị C** và anh **Phạm Văn H** phải chịu 1.491.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (29.827.949đ x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 463, 466 và 468 Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn chị **Lê Thị C** và anh **Phạm Văn H** phải trả cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần B- Chi nhánh P** số tiền 29.827.949đ (*Hai mươi chín triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi chín đồng*) (trong đó tiền gốc 16.988.945đ, lãi trong hạn: 11.870.776đ; lãi quá hạn 968.228đ).

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử 31/7/2024, chị **C** và anh **H** còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của*

Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn chị **Lê Thị C** và anh **Phạm Văn H** phải chịu 1.491.000đ (*Một triệu bốn trăm chín mươi một nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần B- Chi nhánh P** số tiền 953.000đ (*Chín trăm năm mươi ba nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004643 ngày 22/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.P;
- CCTHADS H P;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Sơn